

Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa
Tập 10
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: 1998
Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội_Singapore

Chư vị đồng học, mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ mười. Ở đây chúng ta tiếp tục học tập tánh thức bất tư nghi làm thể của kinh này, nghĩa là nói về lý luận y cứ Phật thuyết kinh. Ở trước đã nói không ít, nhưng vẫn chưa hết ý. Chúng ta đọc những văn tự ở trước, đối với pháp tánh, pháp tướng, nhiều ít cũng có một chút khái niệm. Pháp tánh và pháp tướng, quả thật là căn nguyên của vạn sự vạn pháp khắp hư không pháp giới.

Đoạn sau cùng này nói về bản thức của Bồ Tát Địa Tạng, nói Bồ Tát Địa Tạng, chẳng lẽ không phải nói chính bản thân chúng ta? Chúng ta nhất định phải hiểu ý này.

Đại sư Thiên Thai có hai câu nói rất hay: “Tam thiên bất xuất nhất niệm pháp tánh, tam thiên bất xuất nhất niệm vô minh”. Hai câu này ở hàng thứ năm trong trang này. Gọi là “tam thiên bất xuất nhất niệm pháp tánh, tam thiên bất xuất nhất niệm vô minh”. Tam thiên là gì? Vạn sự vạn vật trong hư không pháp giới mệnh danh là tam thiên. Vì sao mệnh danh là tam thiên? Đại sư Thiên Thai giảng Kinh Pháp Hoa, đem “thập như thị” phân phối trong mười pháp giới, mỗi pháp giới đều có thập như thị. Mà mỗi pháp giới, lại đầy đủ mười pháp giới, vậy là thành 100 pháp giới. Mỗi pháp giới mười như thị, liền trở thành 1000 như thị, cho nên gọi bách giới thiên như. Quá khứ 1000, hiện tại 1000, vị lai 1000, gọi là tam thiên.

Thiên thai tông nói tam thiên chính là vũ trụ vạn hữu, tất cả pháp thể xuất thế gian đều bao hàm trong đó, không ra ngoài nhất niệm pháp tánh. Nhất niệm pháp tánh là gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện”, chính là nhất niệm pháp tánh. Lại nói “tam thiên bất xuất nhất niệm vô minh”. Vô minh là gì? Kinh Hoa Nghiêm gọi là “duy thức sở biến”. Ta hợp điều này lại, không khó lãnh hội được ý nghĩa của nó. Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, vô minh là thức, là căn nguyên của thức tâm.

Bên dưới nói: “Kim gia thích Hoa Nghiêm tâm tạo chi văn”, Kim gia là chỉ đại sư Trí Giả. Con cháu của Thiên thai tông tôn xưng đại sư Trí Giả là “kim gia”. Đại sư Trí Giả giải thích Kinh Hoa Nghiêm, ngài nói ra hai ý. “Ước lý tạo tức thị cụ”, cụ là tánh đầy đủ. “Nhị giả ước sự, tức tam thể biến tạo đẳng”. Nói cách khác, chúng ta nói một cách đơn giản, tất cả đều không ngoài lý cụ và sự tạo. Lý chính là tự tánh, cụ là đầy đủ, vốn có. Tuy trong tự tánh vốn có, nếu không có sự tạo, nó không thể hiện tiền. Nhất định phải biết, lý không tách rời sự, sự không lìa khỏi lý, lý sự là hai mặt của một thể. Tất cả các pháp không có ngoại lệ. Pháp sư lấy tánh thức này làm thể, người căn tánh sắc bén, vừa nghe liền giác ngộ, liền minh bạch. Cổ đức thường nói: “toàn sự là lý, toàn lý là sự”, toàn tướng tức chân, tướng là chỉ hiện tướng, chân tức là chân tánh. Cho nên nói tánh tướng không hai, lý sự nhất như, đây là cảnh giới. Phạm phu chúng ta rất khó hiểu, nó là cảnh giới của Chư Phật Bồ Tát.

Thế Tôn dạy hàng sơ học, thường dùng ví dụ để nói, hy vọng từ trong ví dụ có thể có một khái niệm. Mà trong ví dụ, lấy mộng huyễn bào ảnh nói nhiều nhất, hầu như trong tất cả kinh điển đại thừa, Phật đều có những ví dụ này. Vì đây là kinh nghiệm hầu như

mỗi người chúng ta đều có, chúng ta đều từng nằm mộng, đều có kinh nghiệm nằm mộng. Trong mộng có tướng, tướng từ đâu mà có? Tuyệt đối không phải nói từ không sanh có, không có đạo lý này. Tướng từ đâu mà có? Tướng là tự tâm biến hiện ra, tâm ta như thế nào, tâm ở đâu? Không biết, không tìm thấy, tâm không có tướng.

Thế Tôn hỏi tôn giả A nan tâm ở đâu? Tôn giả A nan nói ra bảy nơi, Thế Tôn đều phủ nhận nó. Do đây có thể biết, khi tâm không khởi tác dụng, không hiện tướng, ta không tìm thấy, nó có chăng? Có, có thật, xưa nay chưa hề mất. Nó là bản thể của tất cả vạn pháp trong vũ trụ, tất cả vạn pháp là từ nó sanh ra. Giống như cảnh mộng vậy, cảnh giới trong mộng ví như tất cả vạn pháp trong vũ trụ, là từ tâm ta biến hiện ra, biến hiện ra tướng phần này. Nếu quý vị muốn hỏi tâm ở đâu? Có thể nói toàn bộ cảnh giới tướng trong mộng chính là nó.

Thế Tôn hỏi tôn giả A nan tâm ở đâu? Nếu tôn giả A nan thông minh, nói tất cả tận hư không biến pháp giới đều là tâm, vậy thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không còn gì để nói rồi, nói đúng rồi mà. Nói ở một nơi, vậy là sai, một nơi không thể hàm chứa toàn thể. Bất luận nói một nơi nào đều chứng minh A nan chưa ngộ nhập, căn bản đối với chân tướng sự thật, bất luận là sự hay lý ngài đều mê hoặc, đều không rõ ràng.

Tâm đã biến thành cảnh mộng, cảnh mộng là giả, cảnh mộng là tướng phần của tâm tánh. Tướng phần là vọng, toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng, tâm ở đâu? Tâm đã biến thành tướng. Chúng ta từ ví dụ về cảnh mộng này có thể liên tưởng đến, hiện nay tận hư không biến pháp giới, là tướng phần do tự tánh mình biến hiện ra, duy tâm sở hiện. Tâm này là tâm tánh, hiện ra tướng phần. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, Tịnh độ uế độ, tất cả chúng sanh, hư không pháp giới, đều là tự tánh biến hiện ra. Nói cách khác, không có gì không phải chính mình.

Đây là tâm của Bồ Tát, chúng ta có chăng? Chúng ta cũng có, không khác gì Chư Phật Bồ Tát. Chúng ta hiện nay vì sao gọi là tâm phàm phu, mà không gọi là tâm Bồ Tát? Do chúng ta mê, không thấu triệt hư không pháp giới là chính mình. Mê gọi là phàm phu, giác ngộ gọi là Phật Bồ Tát. Giác ngộ là gì? Tận hư không biến pháp giới là chính mình, vậy là đã giác ngộ. Trước đây Thiên tông nói là đại triệt đại ngộ, mình tâm kiến tánh, ngài giác ngộ là gì? Giác ngộ vấn đề này.

Thế nào gọi là kiến tánh? Nhìn thấy tất cả pháp tướng chính là tự tánh. Trong tất cả hữu tình chúng sanh, tự tánh của hữu tình chúng sanh, Kinh Lăng Nghiêm Phật nói rõ ràng hơn, chúng ta đều có thể cảm nhận được. Căn tánh của sáu căn, nơi mắt gọi là tánh thấy, nơi mắt gọi là tánh nghe, nơi ý gọi là tánh biết. Căn tánh của sáu căn là chân tâm của chúng ta, nó năng hiện.

Trong tự tánh mang theo một phần vô minh liền biến thành thức, thức có thể chuyển biến hiện tượng của tự tánh. Nếu không chuyển biến, pháp giới này gọi là nhất chân pháp giới. Vì có tác dụng của thức, chuyển biến nhất chân pháp giới thành mười pháp giới. Thế nên Đức Phật nói: “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, tất cả pháp này là mười pháp giới, mười pháp giới là từ tâm tướng sanh, do thức biến.

Tánh và thức là một vấn đề, tánh là thể, thức là tác dụng, có thể có dụng, nó mới hiện vô số tướng. Chư Phật Bồ Tát như vậy, tất cả chúng sanh đều như vậy, trong đó sai biệt ở nơi mê ngộ. Khi mê chịu vô tận khổ não, tạo vô lượng tội nghiệp, phải chịu vô lượng khổ báo, khi giác được đại tự tại. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói về pháp giới vô chướng ngại, đề phẩm sau cùng là Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Tứ Thập Hoa Nghiêm phiên dịch đầy đủ, “nhập bất tư nghì giải thoát cảnh giới”, quý vị nói tự tại biết bao.

Đại sư Thanh Lương nói với chúng ta về bốn loại vô ngại: lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Người giác ngộ. Người mê mọi thứ đều có chướng ngại, lý

có chướng ngại, sự có chướng ngại, lý sự chướng ngại, sự sự chướng ngại càng lớn. Hai cảnh giới mê ngộ không giống nhau, hai loại thọ dụng, đây quả thật gọi là hưởng thụ khác nhau một trời một vực.

Đức Phật nói rõ tôn chỉ dạy học, Phật giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Hai câu này chúng ta đều rất quen thuộc, nhưng ý nghĩa hai câu này ít người lãnh hội được. Vì sao ta không lãnh hội được? Vì chưa nhập vào cảnh giới này, khế nhập cảnh giới này mới hiểu được ý nghĩa của hai câu này, mới hiểu tôn chỉ dạy học, nghĩa lý dạy học của Phật pháp.

Ở đây đại sư Thanh Liên đưa ra cho chúng ta một kết luận, bất luận nói về thức tánh hay nói về tánh thức, đều có thể làm kinh thể, đều có thể làm giáo thể, nghĩa là nói y cứ của kinh giáo lý luận. Tánh thức cũng được, thức tánh cũng được, cần phải biết tánh này chính là pháp tánh. Hiện tại pháp tánh bị vô minh che lấp, cho nên toàn thể thuộc vọng, đại sư Thanh Liên gọi nó là tánh thức, tánh biến thành thức. Ngày nay chúng ta thức làm chủ, tánh không làm chủ. Thức làm chủ chính là bát thức tâm vương chi phối, ngày nay chúng ta dùng tâm này, chứ không phải dùng chân tâm.

Trong kinh luận đại thừa Đức Phật nói rất nhiều: “chân tâm lia niệm”. Niệm là gì? Là vọng tưởng phân biệt chấp trước, trong chân tâm không có. Chúng ta vẫn mang theo vọng tưởng phân biệt chấp trước, tức là dùng vọng tâm, cũng là dùng thức tâm, ở đây gọi là tánh thức. Tánh thức trong Phật pháp thường nói là: “chân như tùy duyên”. Chân như là gì? Là tánh, tùy duyên là thức. Tuy tùy duyên, chư vị phải biết, nó tuyệt đối không thay đổi, cho nên nó là thật. Nếu tùy duyên tùy biến, vậy là không phải thật.

Trong Phật pháp thường nói: “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Chúng ta lại thêm vào hai câu, thêm hai câu này là nói rõ về bốn cảnh giới khác nhau. “Bất biến tùy duyên” là cảnh giới Phật, chân như tùy duyên là tâm Bồ Tát. Bồ Tát này không phải Bồ Tát nào khác, là Bồ Tát lên thuyền từ trở lại độ sanh. Nghĩa là nói họ đã thành Phật từ lâu, hiện nay dùng thân phận Bồ Tát xuất hiện tại thế gian, họ là bất biến tùy duyên.

Loại thứ hai là “tùy duyên bất biến”, đây là Bồ Tát thật, không phải lên thuyền từ trở lại độ sanh. Bồ Tát đang học Phật, ở trong tùy duyên học bất biến, ngày nay chúng ta phải nỗ lực trên phương diện này, trong tùy duyên học bất biến. Học như thế nào? Hôm qua có nói với chư vị, ta nhìn cần phải biết nhìn. Nói rõ hơn một chút, ta nhìn đồ vật cần phải biết nhìn, khi nghe phải biết nghe. Người biết nhìn biết nghe thì sao? Họ nhìn thấy bất biến, trong biến hóa nhìn thấy bất biến. Nghe, trong âm thanh biến hóa nghe được bất biến, đây quả thật là đang học Phật. Ta biết nhìn, biết nghe, đây là Bồ Tát.

Loại thứ ba là “bất biến cũng bất tùy duyên”, đó là ai? Là A la hán, rơi vào thiên chân niết bàn, họ bất biến cũng bất tùy duyên, họ cũng không hóa độ chúng sanh, hôi thân diệt trí, đây là loại thứ ba. Phật không tán thành, ngài thường trách mắng họ.

Loại thứ tư là “tùy duyên tùy biến”, đó là hàng phàm phu chúng ta, nghĩa là ta không biết nhìn cũng không biết nghe, sáu căn của ta ở trong cảnh giới sáu trần hoàn toàn dùng sai. Bồ Tát là biết nhìn biết nghe, sáu căn dùng rất thích đáng, họ ở trong trần duyên kiến tánh. Trần duyên là duyên, tùy duyên kiến tánh, đây là bản lĩnh thật, cho nên họ khai trí tuệ. Chúng ta là tùy duyên tùy biến, tâm bị cảnh giới bên ngoài chuyển, tâm tùy duyên tùy biến là sanh phiền não, tùy duyên bất biến sanh trí tuệ.

Lục tổ Huệ Năng của Thiên Tông thừa với Ngũ tổ: “trong tâm đệ tử thường sanh trí tuệ”. Nếu chúng ta gặp Ngũ tổ, nhất định là: “Trong tâm đệ tử thường sanh phiền não”. Vì sao thường sanh phiền não? Vì tùy duyên tùy biến. Vì sao không sanh phiền não mà sanh trí tuệ? Vì tùy duyên bất biến, nhìn thấy trong cảnh giới bất biến, trong biến có bất

biến, bản thân cũng bất biến. Thân căn mình đang biến, biến trong từng sát na, tánh trong căn bất biến.

Đây là chúng ta nói đến chân như tùy duyên, nói ra với quý vị một vài ý, chúng ta nên tuân thủ nguyên tắc như thế nào để tu học.

Trong kinh cũng có một câu như vậy: “Vô minh thể tướng, bản tự bất hữu, vọng tướng nhân duyên, hòa hợp nhi hữu, bất thiện tư duy, tâm hành sở tạo”. “Bất thiện tư duy”, tức chúng tôi vừa mới nói ta không biết nhìn, không biết nghe, cho nên mới tạo thành tình trạng như hiện nay. Luân hồi lục đạo, ngũ trược ác thế từ đâu mà có? Do những chúng sanh này “tư duy tâm hành bất thiện gây nên”.

Vọng vốn không có, vọng là không giác, không giác nghĩa là vô minh, vô minh tức là không giác. Trong Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh chỉ thị rõ ràng cho chúng ta: “Bổn giác bản hữu, bất giác bản vô”. Hai câu này nói rất hay, bản giác là gì? Là tự tánh, trong tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vốn có. Ở trước nói với mọi người về “lý cụ”, lý chính là nói đến tự tánh, cụ là vốn đầy đủ. Vọng là chỉ vô minh, không giác, vốn không có.

Hai câu này khiến cho người học Phật chúng ta, kiến lập được tín tâm rất lớn, vốn có nhất định có thể chứng được, vốn không có nhất định có thể đoạn tận, kiến lập tín tâm cho chúng ta đối với việc đoạn vọng chứng chân. Nhưng bất giác, bất giác vốn không từ đâu mà có? Do nguyên nhân gì? Sanh ra khi nào? Những vấn đề này, từ xưa đến nay không biết có bao nhiêu người hỏi đến. Trong kinh Phật có đáp án chăng? Có, những vấn đề này hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú lâu na từng thỉnh giáo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong quyển thứ tư của Kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn nói với tôn giả Phú lâu na, vô minh từ đâu mà có? Vì sao có vô minh? Thế Tôn chỉ nói ra tám chữ: “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”. Hai câu này giải thích một cách rõ ràng minh bạch, quý vị có hiểu chăng? Nếu như hiểu, tức đã phá vô minh, minh tâm kiến tánh, một câu đã thức tỉnh được chúng ta. Nhưng câu này, chúng ta đọc 1000 lần, một vạn lần vẫn không hiểu. Vì sao không hiểu? Vì không biết tư duy, dùng tâm không đúng.

Thế nào gọi là tri kiến? Thế nào gọi là lập tri? Chúng ta mở mắt ra, thấy cảnh giới tướng bên ngoài rất rõ ràng, đây là tri kiến. Thấy một cách rõ ràng minh bạch, trong tâm rõ ràng minh bạch, lúc này không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Không phải nói tôi không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, nên tôi không biết gì. Ta mở mắt ra, có thể nói là không biết gì cả ư?

Thế nào gọi là lập tri? Vừa khởi niệm, động tâm, gọi là lập tri. Thế Tôn nói đó là vô minh. Vì thế mới nói “vô minh vô thi”. Quý vị hỏi vô minh khi nào khởi lên? Vô minh vô thi, không có bắt đầu. Nếu có thì có chung, vậy là biến thành sự thật. Không có bắt đầu, đây là giả, vọng tướng. Quý vị muốn nói khi nào vô minh khởi lên? Đức Phật nói vô thi vô minh, không có bắt đầu, tức ngay nhất niệm hiện tại. Ta nhất niệm có ý “tôi đã nhìn thấy”, đây chính là vô minh. “Tôi đã biết”, đây chính là vô minh, ta bị vô minh phiền não che lấp.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, cũng nói ta đã thấy, ta đã nghe, lời này là tùy thuận chúng sanh mà nói. Cho nên Phật thuyết pháp là nương vào nhị đế mà nói, tùy thuận tri kiến của chúng sanh. Quý vị nói thân thể này là tôi, tôi cũng nói là tôi, tùy thuận quý vị mà nói. Quý vị chấp trước thân này là tôi, Phật tuyệt đối không chấp trước thân này là tôi, Phật lấy gì làm tôi? Tận hư không biến pháp giới là tôi. Thế nên nói, tùy thuận chấp trước của chúng sanh mà chấp trước, tùy thuận phân biệt của chúng

sanh mà phân biệt, mới có thể giao lưu với chúng sanh. Đây là lời giả, không phải nói thật.

Khi tôi giảng kinh từng nói với quý vị, Thế Tôn nương vào nhị đế thuyết pháp chính là nửa giả nửa thật, dùng phương thức này để dẫn dắt ta từ hư vọng thấy được chân thật, đây là dùng phương tiện thiện xảo. Nếu là thật, hoàn toàn dùng thuần chân, không dùng phương pháp hư vọng, không dùng tục đế, hoàn toàn dùng chân đế, không có gì để nói. “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, đó là thật, chẳng những không nói một câu nào, một ý niệm đều không có, đây là thuần chân.

Phật vĩnh viễn trú trong chân thật, không những Phật cứu cánh viên mãn hằng thường trú trong nhất chân. Nhất chân chính là tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn, Phật với Phật gặp nhau không nói một lời nào, đó là thật. Vô lượng trí tuệ, vô lượng công đức viên mãn đầy đủ, hiển hiện viên mãn, ai hiểu? Cho nên Phật nhất định phải tùy thuận chúng sanh, lấy thế tục đế kết hợp dung hòa với chân đế. Dùng phương pháp này giúp đỡ chúng sanh trong mười pháp giới, ngộ nhập thật tướng các pháp, đây là Chư Phật Như Lai đại từ đại bi.

Chúng ta thấy Kinh Hoa Nghiêm nói về thế giới Hoa Tạng, thấy trong Kinh Vãng Sanh nói về thế giới Cực Lạc, thấy Chư Phật Bồ Tát, họ sinh hoạt rất phong phú đa dạng. Phong phú đa dạng thị hiện từ đâu? Vì tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới, chúng sanh này là chúng sanh trong mười pháp giới, hiện vô biên thân, thuyết pháp vô tận, phong phú đa dạng. Đa dạng phong phú là họ nhìn thấy từ hoạt động trong mười pháp giới.

Tuy hoạt động xưa nay chưa từng ngưng nghỉ, tâm họ vĩnh viễn an trú trong nhất chân, mọi hoạt động đều tùy duyên mà thôi. Họ là bất biến tùy duyên, xưa nay chưa từng động niệm, quả thật đối với trong tất cả pháp không khởi tâm, không động niệm. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đây là Chư Phật Bồ Tát, trong kinh gọi là du hí thần thông, là đại tự tại, đại viên mãn. Chúng ta biết Bồ Tát dùng tâm gì, ngày nay chúng ta dùng tâm hoàn toàn tương phản với họ. Chúng ta không biết dùng tâm, không biết chân tướng sự thật.

“Vọng tưởng nhân duyên”, vọng tưởng nhân duyên tức là nói phân biệt chấp trước, phân biệt chấp trước là vọng tưởng nhân duyên. Ngày nay chúng ta chỉ biết vọng tưởng nhân duyên, cho rằng đây là chân tâm của mình, mà quên mất chân tâm. Hoàn toàn không thể lãnh hội, hoàn toàn không thể phát giác, không biết vọng nương vào chân mà khởi. Ta không có chân tâm, không có tự tánh, phân biệt của mình từ đâu mà có? Chấp trước của mình từ đâu mà có? Chúng ta nói ý niệm phân biệt chấp trước này, ý niệm này từ đâu mà có? Y cứ vào đâu mà khởi lên? Có được tư tưởng này gọi là hồi quang phản chiếu, nhà Phật nói quay đầu là bờ. Một khi quay đầu tìm, phân biệt chấp trước hiện nay của mình, phân biệt của mình từ đâu mà có? Chấp trước của mình từ đâu mà có? Ta tìm điều này, đây gọi là hồi quang phản chiếu. Tìm điều này, tìm không thấy, đây chẳng phải chính là giống như Huệ Khả và tổ sư Đạt ma ư? Huệ Khả tâm bất an, hiện nay người tâm bất an quá nhiều, cầu tổ sư Đạt Ma an tâm cho mình.

Hiện nay tạo tượng Đạt Ma, tượng ngài có một cánh tay đưa ra, đó là gì? Đó chính là đối với Huệ Khả “người đem tâm đến đây ta an cho”, từ câu nói này Huệ Khả hồi quang phản chiếu. Tâm bất an này của tôi, tâm ở đâu? Vì sao bất an? Đi tìm, tìm đến sau cùng không tìm thấy, “tìm tâm liễu bất khả đắc”, Ngài bảo con tìm tâm, con không tìm thấy. Huệ Khả cao minh hơn A nan, A nan nói vẫn ở trong, ở ngoài, tìm lung tung, suy nghĩ bậy bạ, Huệ Khả cao minh hơn. Huệ Khả nói tìm tâm liễu bất khả đắc, đây là đã đến ranh giới của khai ngộ. Cho nên câu bên dưới vừa chỉ điểm, Huệ Khả liền hoát nhiên

đại ngộ, “ta đã an tâm cho người rồi”, ta đã an tâm cho người rồi, Huệ khả hoá nhiên đại ngộ. A nan chưa đến ranh giới, còn cách quá xa, A nan suy nghĩ lung tung. Đến khi tìm tâm liễu bất khả đắc, là đến ranh giới, một khi điểm đến là phá ngay. Tông môn gọi đây là kiến tánh, trở thành nhị tổ của Thiên tông.

Công phu ngày nay của chúng ta còn thiếu sót là chưa quay đầu, sau đó ta mới biết tham thiền là phải quay đầu, học giáo lý cũng phải quay đầu, niệm Phật cũng phải quay đầu. Nếu không quay đầu, vĩnh viễn không thể khai ngộ.

Quý vị thầy Bồ Tát Đại Thế Chí, trong Niệm Phật Viên Thông Chương dạy rằng: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đô nhiếp lục căn là quay đầu. Phương pháp tu học của Bồ Tát Quán Thế Âm là “phản văn văn tự tánh”, phản văn là quay đầu. Dùng Nhĩ căn nghe âm thanh bên ngoài, quay đầu lại tìm, có thể nghe được gì? Như vậy mới có thể kiến tánh, phản văn mới có thể thấy được tự tánh.

Ngày nay chúng ta nghe chuyên môn duyên bên ngoài, nghĩ xem ta đã thấy được gì, đã nghe được gì. Càng nghĩ càng mê hoặc, càng nghĩ càng sai. Do tri kiến sai lầm, sanh ra hành vi sai lầm, tạo khẩu nghiệp tùy tiện phê bình người khác, tạo khẩu nghiệp. Thân nghiệp là tùy tiện xâm hại người khác, là ta thấy sai nghĩ sai, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, cảm thọ khổ báo trong ba đường, đều do tư duy tâm hành bất thiện tạo ra.

Do đây có thể biết, không những lục đạo là giả, thập pháp giới cũng là giả. Lục đạo, thập pháp giới đều là duy thức sở biến, đều là vô minh huyền hóa, Kinh Kim Cang nói: “mộng huyền bào ảnh”. Lời Phật nói không sai: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, tuyệt đối không phải chân thật. Phật pháp nói đến chân vọng, tiêu chuẩn của nó đặt ở chỗ phàm những gì có biến hóa đều là giả, chính là vọng, vĩnh viễn bất biến đó là chân. Lấy tiêu chuẩn này để nói chân vọng, hư không pháp giới sanh diệt trong từng sát na, nó là biến hóa. Ý này trong đại kinh nói rất nhiều. Hiện tượng là vô thường, chúng ta nhất định phải hiểu, nó không phải thường trụ. Nhưng bất kỳ một vọng tướng nào đều là chân vọng hòa hợp, lìa chân, vọng đâu ra? Lìa chân, không có vọng. Vì thế vọng nhất định tùy theo chân, vọng tuyệt đối không lìa chân. Cổ nhân ví dụ: “Lấy vàng làm vật dụng, mọi vật đều là vàng”, ví dụ này hay. Họ dùng vàng ví với chân, ví với tự tánh, vật dụng ví với tất cả mọi hiện tượng. Chúng ta vào trong tiệm vàng tham quan, người ta dùng vàng chế tạo ra rất nhiều trang sức vật dụng, mấy trăm loại, mấy ngàn loại, mỗi kiểu dáng đều không giống nhau. Phàm phu chấp trước vọng tướng, đây là chiếc vòng, đó là sợi dây chuyền, kia là chiếc nhẫn, chấp tướng. Người biết xem, từ trên tướng nhìn thấy tánh, họ nhìn thấy là vàng, dù vật tướng nhiều đến đâu cũng chỉ một thứ là vàng, họ nhìn thấy vàng. Họ nhìn thấy vàng có hoại tướng chăng? Không có hoại tướng, hoàn toàn không phá hoại tướng mới nhìn thấy vàng, không có. Ở trên tướng nhìn thấy, biết đây là chân vọng hòa hợp. Người tu đạo, người kiến tánh, trong mọi sự vật đều thấy chân tánh. Trong hữu tình chúng sanh, ngày nay chúng ta gọi là phàm phu, hiện nay gọi là động vật. Trong tất cả các động vật, nhìn thấy tự tánh của những động vật này, trong kinh có khi gọi là Phật tánh, tự tánh chính là Phật tánh. Họ có Phật tánh, sao họ không phải là Phật? Phật nhãn thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, chính là đạo lý này. Tự tánh của họ và tự tánh của tất cả Chư Phật Như Lai không hai không khác. Tánh của mình tánh nghe của mình, và tánh thấy tánh nghe của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng với tánh thấy tánh nghe của Phật A Di Đà, và tánh thấy tánh nghe của Phật Tỳ Lô Giá Na, nói cho chư vị biết là một tánh, không phải hai tánh, vậy sao không phải Phật được? Trong Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác Đức Phật nói: “tất cả chúng sanh vốn thành Phật”, họ vốn thành Phật, không phải khi nào tu thành, không phải, vốn thành Phật.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ có câu: “Tất cả đều thành Phật”, trong vô tình chúng sanh, quý vị có thấy chăng? Là pháp tánh. Một mảnh giấy này, mảnh giấy này là pháp tánh, pháp tánh và Phật tánh là một tánh, không phải hai tánh. Chúng ta lãnh hội từ những điều này, phải ở trong cuộc sống hằng ngày, thường xuyên lãnh hội, không ngừng lãnh hội. Nhất định có một ngày hoát nhiên đại ngộ, thật sự nhìn thấy.

Thật đáng tiếc, phàm phu thật đáng tiếc, tập khí nghiệp chướng sâu nặng, không biết dụng công, không thể ở trong tất cả chúng sanh, trong tất cả huyền tướng thấy được chân tánh, mà biến thành gì? Trong mọi hiện tượng thấy thị phi nhân ngã, bên trong khởi tham sân si mạn. Đây chính là ở đây nói, tư duy tâm hành bất thiện tạo nên. Ở trang thứ mười hàng thứ hai từ dưới lên, chữ sau cùng: “Bất thiện tư duy tâm hành sở tạo”, tám chữ này. Đây là nói chúng sanh trong luân hồi lục đạo, vì sao ta có lục đạo? Vì sao ta không thể vượt khỏi lục đạo? Vì sao ta sống khổ như vậy? Tám chữ nói một cách rất ráo.

Người biết dụng công, chúng ta mới hiểu lời Lục tổ Huệ Năng nói không sai: “người tu đạo chân chánh, chẳng thấy lỗi thế gian”. Người thật sự biết tu hành, người biết tư duy, người biết dụng tâm, không thấy lỗi thế gian. Không những không thấy lỗi thế gian, họ thấy tất cả trong thế gian đều là chân như, đều là vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng viên mãn của tự tánh hiện lộ.

Người biết tu hành đi vào cảnh giới Phật, người không biết dụng tâm đi vào cảnh ma. Trong cảnh giới không có Phật cũng không có ma, Phật và ma là trong tâm ta biến hiện ra. Biết dùng tâm chính là Phật, người không biết dùng tâm chính là ma, cảnh giới bên ngoài làm gì có Phật, làm gì có ma? Không có. Chúng ta tu học đại thừa, nếu đến ý này cũng không lãnh hội được, công phu của mình làm sao đắc lực được?

Hàng thứ mười, xem từ câu sau cùng, hàng sau cùng: “Vô minh huyễn xuất, lục đạo y chánh, đương tri bản tự bất hữu, vô minh sở vi”. Chúng ta chỉ xem câu này, đây là nói cho chúng ta biết về chân tướng của luân hồi lục đạo, hiện nay chúng ta ở trong lục đạo. “Nên biết vốn tự không có”, lục đạo vốn không có, lục đạo là gì? Là giấc mộng, lục đạo là một ác mộng. Chúng ta đang trôi lăn trong luân hồi, chính là đang gặp ác mộng. Phật Bồ Tát từ trong mộng tỉnh dậy, chúng ta mê hoặc điên đảo đang ở trong mộng chưa tỉnh, tiếp tục nằm mộng.

Mộng này từ đâu mà có? Từ “vô minh huyễn xuất”, huyễn là mộng huyễn bào ảnh. Vô minh nghĩa là sao? Đối với chân tướng sự thật hoàn toàn không biết, tùy theo vô minh của mình. Vô minh rất đáng sợ, không thấu triệt chân tướng sự thật, do đó ở trong cảnh giới này khởi vọng tưởng, khởi phân biệt, khởi chấp trước. Tùy thuận vọng tưởng phân biệt chấp trước của mình là làm sai việc.

Người thế gian từ chỗ này, sai lầm đầu tiên, cho rằng căn thân của mình là chính mình, cái sai đầu tiên. Từ nhận thức sai lầm này, sanh ra liên tục không gián đoạn, cứ thế tiếp tục sai. Làm sao giữ được mình, làm sao đề phòng xâm hại, càng nghĩ càng sai, càng làm càng sai, do đó tạo thành sai lầm lớn. Vòng sinh hoạt của ta ngày càng nhỏ, vòng nhỏ nhất là địa ngục a tỳ.

Trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên nói rằng, trong địa ngục a tỳ, những gì cảm nhận được chính là một mình, địa ngục vô gián, địa ngục bao lớn? Thân thể ta lớn bao nhiêu, thân thể này và địa ngục lớn bằng nhau. Tất cả tội hình trong địa ngục, tất cả đều phải chịu cùng một lúc, đây là nguyên nhân gì? Đó là tự tư tự lợi đến cực điểm, một người cũng không dung được, đây là địa ngục a tỳ. Chư vị suy nghĩ tưởng tận hiện tượng này, hiện tượng này đều là giả, đều không phải thật, đều do quan niệm sai lầm của mình biến hiện ra. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh, không có những thứ này, do vọng thức biến hiện, vô minh là vọng thức.

Trong lục đạo chánh báo là thân, y báo là hoàn cảnh cuộc sống, toàn là giả. Nếu thật sự biết đây là giả, là vô minh, là huyễn hóa, là vọng tưởng phân biệt chấp trước biến hiện. Nếu thật sự thấu triệt chân tướng sự thật này, sống trong này cảm thấy rất tự tại. Vì sao vậy? Vì không còn chấp trước, không còn phân biệt, tất cả đều tùy duyên, tùy duyên liền được đại tự tại. Quý vị nói khởi vọng tưởng muốn cố gắng bảo vệ mình, quý vị có bảo vệ được chăng? Không bảo vệ được, là giả, là không, bảo vệ nó làm gì?

Người thế gian mê hoặc điên đảo, lấy tục đế mà nói, tục đế là nói về nhân quả, “một giọt nước một hạt gạo, tất cả đều do tiền định”. Trồng thiện nhân được thiện quả, trồng ác nhân gặp ác báo, đây là chân lý thiên kinh địa nghĩa trong lục đạo. Người giác ngộ, ở trong lục đạo hành thiện, biết hư không pháp giới và chính mình là một thể cộng đồng. Ngày nay người ta đề xuất một sanh mạng thể cộng đồng, họ đâu biết như thế nào là sanh mạng thể cộng đồng? Họ biết nói nhưng không hiểu ý nghĩa của nó. Tận hư không biến pháp giới là chính mình, hay nói cách khác, lợi ích tất cả chúng sanh, tức là lợi ích chính mình. Tôn thương tất cả chúng sanh, tức là tôn thương chính mình. Tôn thương tất cả chúng sanh, khi ta chưa giác ngộ, bị đọa vào tam đồ lục đạo. Ta có thể giúp tất cả chúng sanh, quả báo trong ba đường lành, vì sao không giúp tất cả chúng sanh, mà lại tôn thương tất cả chúng sanh?

Quả thật thế gian có một số người dã tâm, muốn xưng bá ở thế gian này, thống trị thế giới này, họ làm được chăng? Tuyệt đối không thể, nhưng có người thật sự thống trị thế giới này chăng? Có, trong kinh Phật nói là chuyển luân thánh vương. Thiết luân vương thống trị một tinh cầu, đồng luân vương, ngân luân vương, kim luân vương. Trong kinh Phật nói kim luân vương, ông thống trị một tinh cầu, đó là người không phải thần. Ông dùng gì để thống trị? Dùng thập thiện nghiệp đạo, bản thân tu thập thiện, khuyên người tu thập thiện, hành thiện mới có được quả báo này, tạo ác không được.

Vào thời đại chiến thế giới lần thứ hai, Hitler muốn thống trị thế giới, người Nhật bản cũng muốn thống trị thế giới, dùng phương pháp gì? Dùng vũ lực, chưa được mấy năm thì mất nước. Chúng ta nhìn thấy chiến tranh này, từ trong này rút ra được một kinh nghiệm, dùng chiến tranh làm thủ đoạn, tuyệt đối không thể thống trị thế giới, sau cùng đi đến hủy diệt, tuyệt đối không phải phương pháp giải quyết vấn đề. Phương pháp thật sự giải quyết vấn đề là gì? Là đại từ đại bi, bố thí, phụng hiến, vấn đề liền được giải quyết.

Đại chiến thế giới lần thứ hai, toàn thế giới chết hơn một ức người, mất hết bao nhiêu tiền? Người phương tây có một thống kê, 500 vạn ức USD. Nếu đem 500 vạn ức USD bố thí khắp nơi, làm việc phúc lợi cho xã hội, toàn thế giới ủng hộ quý vị, quả thật quý vị đã làm vua của toàn thế giới, ai không ủng hộ quý vị chứ? Thời kỳ chiến tranh Triều tiên, chiến tranh dùng hết 180 ức USD, nếu dùng 180 ức USD này để bố thí, bố thí vô điều kiện, Vì thế thủ đoạn chiến tranh không được, dùng tiền bạc giúp người thì được, nhưng bố thí phải vô điều kiện. Bồ thí kèm theo điều kiện quý vị sẽ không làm được, vô điều kiện, người ta cảm đội ân đức, vĩnh viễn không quên. Đây là đại ân đại đức, bố thí ân đức.

Chiến tranh chỉ có thể tạo thành tai hại, tạo thành oán hận. Kết oán hận này, đời đời kiếp kiếp không bao giờ dứt, vô cùng tàn khốc, tự hại hại người.

Những người đồng tu, mua những VCD này cho tôi xem, tôi xem xong cảm nhận một cách sâu sắc, thông qua đây tôi rút ra được kết luận này, chiến tranh tuyệt đối không phải là biện pháp giải quyết vấn đề. Giải quyết vấn đề nhất định phải dùng đại từ đại bi, bố thí ân đức, lấy yêu thương chân thành, yêu thương tất cả chúng sanh, yêu thương đối phương, người ta mới tâm phục khẩu phục. Những người có dã tâm này cũng là dùng sai

tâm, tư duy tâm hành bất thiện tạo nên. Tạo thành thảm họa lớn như thế, tạo tội nghiệp nặng như vậy, sau khi chết đều đọa vào tam đồ, sao phải khổ vậy? Phật pháp dạy chúng ta không có gì khác, chính là nói cho chúng ta biết về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, khiến chúng ta thông đạt, khiến chúng ta minh bạch. Sau đó rút cuộc làm sao để xử sự đối nhân tiếp vật, bản thân ta sẽ tự biết.

Bên dưới nói về sự khác biệt của lục đạo, đều từ “nhất niệm tâm vô minh sanh ra”. Đại sư lấy nó làm giáo thể, nghĩa là nói với chúng ta, quá khứ chúng ta mê muội điều này, hiện nay từ mê khai ngộ. Ngay trong hoàn cảnh sinh hoạt của mình hiện tại, học tập tư duy thiện, như thế nào là tư duy thiện? Là cách nghĩ làm của chúng ta tương ứng với chân tướng sự thật, đây chính là tư duy thiện. Có thể nói rõ ràng chân tướng sự thật, nói thấu triệt, đích thực là Phật pháp đại thừa.

Do đây có thể biết, muốn giải quyết vấn đề, vẫn là câu nói quen thuộc của chư vị thánh hiền “giáo học vi tiên”. Sau đó chúng ta mới nhớ lại, vì sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không làm quốc vương? Ngài là thân phận vương tử, vì sao không kế thừa vương vị, từ bỏ vương vị, để làm công tác giáo dục xã hội? Vì ngài đã giác ngộ, ngài muốn giúp tất cả chúng sanh giải quyết vấn đề, giải quyết vấn đề một cách triệt để viên mãn, làm công việc dạy học. Nếu chúng ta nói, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một người có dã tâm cũng được, ngài không phải muốn thống trị một quốc gia, ngài muốn thống trị toàn thế giới, muốn thống trị tận hư không biến pháp giới. Ngài dùng phương pháp gì? Ngài không dùng quân đội, không dùng vũ lực, mà dùng cách dạy học. Sau khi ngài niết bàn hơn 3000 năm, trên thế giới này có bao nhiêu ức người tôn kính ngài, sùng bái ngài, học tập theo ngài, ngài đã thành công. Đây không phải là một trường hợp rất nổi bật ư? Ngài dẫn dắt chúng ta, dạy chúng ta học tập như thế nào. Chúng ta đã nhìn thấy, nghe thấy, lãnh hội được, mới biết rằng đây mới là con đường nên đi, cần phải giữ tâm này. Tâm đại từ bi, tâm bố thí ân đức.

Bồ Tát Địa Tạng luôn giữ tâm này, đoạn này nói về bản thức của Địa Tạng, nghĩa là Bồ Tát Địa Tạng giữ tâm như thế nào? Bồ Tát Địa Tạng dùng tâm gì? Ngài có thể giúp lục đạo chúng sanh, chỉ có một mục đích, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Đối với bản thân không hề chút có yêu cầu nào, Bồ Tát Địa Tạng không yêu cầu những chúng sanh này cảm kích ngài, không có. Không yêu cầu những chúng sanh này báo đáp ngài, có thể nói hoàn toàn không có điều kiện, yêu thương vô điều kiện, bố thí vô điều kiện, giáo hóa vô điều kiện. Ngài chỉ có một nguyện vọng, hy vọng mỗi chúng sanh đều khai ngộ, mỗi chúng sanh đều thành Bồ Tát, mỗi chúng sanh đều thành Phật. Bồ Tát dùng tâm này, Bồ Tát giữ tâm như vậy, chúng ta cần phải hiểu, cần phải học tập.

Đoạn này chúng ta chỉ giới thiệu đơn giản đến đây thôi. Đoạn thứ ba tiếp theo nói về “minh tông”, minh tông trong ngũ trùng huyền nghĩa. Đoạn văn này ở trang 11, hàng thứ tư: “Minh bất tư nghi hạnh nguyện vi tông giả”. “Tông” là nói cần phải nắm vững cương lĩnh học tập, không thể nắm bắt cương lĩnh học tập, trong lúc học tập không biết bắt đầu từ đâu, không biết nên học từ đâu? Cho nên đoạn này rất quan trọng.

Đoạn biện thể trong huyền nghĩa ở trước, chư vị phải biết, thể này thông tất cả Phật pháp, thông tất cả kinh giáo. Bất luận nói như thế nào, tuy cách nói không giống nhau, ý nghĩa đều tương thông, nhưng “tông” thì khác. Tông là nói về cương lĩnh học tập, mỗi bộ kinh, mỗi pháp môn, cương lĩnh học tập không tương đồng. Đây là chuyên nói về kinh này, chuyên chỉ pháp môn này mà nói.

Ở đây đại sư Thanh Liên cho chúng ta biết, lấy “hạnh nguyện bất tư nghi làm tông”. Kinh này gọi là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, lấy bản nguyện của ngài làm cương lĩnh tu học của chúng ta, điều này rất có đạo lý. Vừa mở đầu ngài dẫn kinh cứ điển, đa

phân đều từ kinh này. Vừa mở đầu: “chuẩn kinh”, chuẩn nghĩa là y cứ, y cứ kinh này. Kinh chính là kinh này, nếu trích dẫn các kinh khác, nhất định ngài viết ra.

Trong kinh này, Bồ Tát Văn Thù hỏi Phật: “Địa Tạng Bồ Tát ở nơi nhân địa tu hạnh gì, lập nguyện gì, mà được thành tựu việc không thể nghĩ bàn như thế?”. Trong này có nguyện, có hạnh, có nguyện. “Hựu”, hựu cũng là kinh này, trong kinh này có nói như vậy. “Đại sĩ trong đời quá khứ bất khứ thuyết kiếp về trước, do thấy Đức Sư Tử Phần Tân Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, tướng hảo trang nghiêm, liền hỏi Phật này tu hạnh nguyện gì mà được tướng như thế?” Lại có hạnh nguyện.

Bên dưới thêm một đoạn nữa: “Như Lai tự kết tên kinh”, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra đề của kinh này. Phật nói ba danh từ, thứ nhất là Địa Tạng Bồ Nguyện, thứ hai là Địa Tạng Bồ Hạnh, ở đây đưa ra hai danh từ, thứ ba gọi là Địa Tạng Bồ Thế Lực Kinh. Ngài lấy bồ hạnh và bồ nguyện. “Cho nên biết, hai pháp hạnh nguyện là tông yếu của kinh này”. Đây là nói vì sao ngài phải lập hạnh nguyện làm tông, nói ra trong mình tông, nguyện do ngài lập đề mục này. Sau đó lại giải thích với chúng ta, hạnh và nguyện có quan hệ mật thiết với nhau. Khi chư vị cổ đức giải thích vấn đề này, thường nói với chúng ta, nguyện làm người dẫn đường, dùng hạnh thực hiện nguyện. Nguyện ở trước là lãnh đạo chúng ta, hạnh thực tiễn nguyện vọng của chúng ta, nguyện này sẽ viên mãn, sẽ thành tựu.

Cổ nhân không gọi nguyện, mà gọi là chí, người xưa gọi lập chí. Nếu con người không có chí, đời này ta sông nỗ lực không có mục đích, không có phương hướng, đời này nhất định trôi qua một cách vô ích, không có thành tựu gì. Nếu muốn đời này có thành tựu, quyết định ở chí hướng của mình, nhà Phật gọi là hạnh nguyện.

Chúng ta thấy người thế gian, quan sát từ khi họ còn trẻ, họ đang đọc sách, cầu học, chọn khoa để học là hiển thị nguyện vọng của họ. Có rất nhiều người muốn học y khoa, nguyện vọng của họ là tương lai làm bác sĩ. Muốn học pháp luật, tương lai làm luật sư. Học kế toán, tương lai làm kế toán. Hiện nay ở nước Mỹ, có ba nghề dễ kiếm tiền nhất. Vì sao họ chọn nghề này? Mục đích ở chỗ lợi, lợi đang mê hoặc họ. Nguyện này không phải bồ nguyện, nguyện này là lợi bên ngoài đang mê hoặc, khiến họ sanh ra nguyện vọng này. Phạm những nguyện vọng do lợi ích mê hoặc, không có nguyện nào không tạo tội. Làm luật sư biện hộ cho người lương tâm mê muội, chỉ cần người ta đem tiền đến, tìm mọi cách nói tốt cho họ, tạo tội nghiệp. Làm bác sĩ không có y đức, vốn bệnh này chỉ chữa một hai lần là lành, nhưng lại kéo dài đến 20 lần, 30 lần. Vì sao vậy? Từ từ để họ đem tiền đến khám. Hiện nay đạt được lợi ích nhỏ này, quả báo sau này phải làm sao? Khổ không thể tả.

Cổ nhân đọc sách lập chí, quả thật không như thời nay, ngày xưa không có nhiều khoa, đại khái người đọc sách chỉ chọn một ngành, làm việc chính trị, gọi là “học nhi ưu tặc sĩ”, ngày xưa sĩ chính là làm việc chính trị, tức làm quan. Làm quan phải làm quan tốt, vì dân vì địa phương phục vụ. Vì thế giáo dục ngày xưa, đề xướng đọc sách chí tại thánh hiền. Hiện nay đọc sách chí tại danh lợi, danh lợi sẽ có xung đột, sẽ có đấu tranh. Cổ nhân đọc sách chí tại thánh hiền, thánh hiền không có đấu tranh, thánh hiền lễ nhường lẫn nhau. Vì thế xã hội hòa thuận, thế giới đại đồng, như vậy sao giống nhau được?

Ngày nay chúng ta tiếp thu giáo dục Phật giáo, muốn học Phật, chí học Phật là gì? Chí tại làm Phật, làm Bồ Tát. Phật Bồ Tát là đại thánh đại hiền, cao hơn một bậc so với chí tại thánh hiền của thế gian. Thử hỏi chúng ta học Phật, phải chăng thật sự đã làm Bồ Tát, làm Phật? Thật sự học Bồ Tát, học Phật sao có thể đấu tranh với tất cả chúng sanh, tuyệt đối không thể. Chúng sanh mê hoặc, họ tranh chúng ta nhường, tuyệt đối không khởi tranh chấp với họ.

Họ muốn gì chúng ta cũng nhường, đều cho họ, cho họ phải chẳng chúng ta không còn? Không phải. Vì sao vậy? Vì số mạng có bỏ cũng không được, số mạng không có dù một đồng cũng không thể cưỡng cầu. Họ không biết, tôi biết. Nếu anh cần tôi cho, số mạng anh có, tôi cho anh sẽ giữ được. Còn như số mạng không có, tôi cho chưa được mấy ngày thì cũng mất hết, anh không giữ được. Trong số mạng tôi có đều cho họ hết, vài ngày sau nó lại đến. Hiểu rõ đạo lý này, thấu triệt chân tướng sự thật này, quý vị dám bỏ thí, bỏ thí rất thoải mái, bỏ thí rất hoan hỷ, biết được điều gì? Bỏ thí không cùng tận, càng thí càng nhiều. Bỏ thí tài được giàu có, bỏ thí pháp tăng trưởng trí tuệ, bỏ thí vô úy mạnh khỏe sống lâu. Ai chịu làm điều này? Người hiểu rõ chịu làm, làm gì có chuyện sau khi bỏ thí là tất cả đều không có, không có chuyện đó, điều này không hợp lý.

Đức Phật nói với chúng ta về phú quý mà lục đạo chúng sanh đạt được, đều do trong đời quá khứ có tu, trong đời này tu tích được. Gọi là “dục tri tiền thể nhân, kim sanh thọ giả thị”, đời trước ta tu nhân gì, hãy xem quả báo đời này mình lãnh chịu. Đời này ta được phú quý, do đời trước tu nhân phú quý, cho nên mới có thể đạt được. Đời này cuộc sống vật chất của chúng ta rất gian nan, rất khổn khổ, đời trước ít tu bố thí tài, không trồng nhân này. Số mệnh không có, đạt được không phải phước, mà là họa. Đây là thật, không hề giả.

Trước đây, khi tôi vừa mới học Phật, nghe có người nói, hình như một vị tướng quân thăng quan, ông được thăng lên trung tướng, thiếu tướng thăng lên trung tướng. Mệnh lệnh chưa ban ra, đại khái là những người thường tiếp xúc với cấp cao nhìn thấy, đem tin này báo với ông ta: đã phê chuẩn rồi, ông sắp được lên trung tướng. Ông ta rất vui mừng, mời bạn bè đến uống rượu chúc mừng, trong buổi tiệc ông lẩn đùng ra chết. Nếu không biết tin này, ông sẽ không chết. Người ta nói ông không có mạng, mạng ông chỉ có một sao, thêm một sao nữa liền đè chết ông ta, rất có đạo lý. Phú quý đều có số, không có số mệnh đó, cho họ của cải sẽ bị của cải đè chết.

Tôi nghe nói rất nhiều người, số mệnh không có của cải, chơi cờ phiêu, khi chơi cờ phiêu lỗ liền tự sát, đó không phải bị của cải đè chết ư? Họ không có tài mệnh đó, suốt đời đều là mệnh, một chút chẳng do người. Quý vị muốn được của cải, cần phải tu tài bố thí. Đây là chánh pháp Đức Phật dạy cho chúng ta. Nghĩ mọi biện pháp để kiếm tiền, chơi cờ phiêu là đánh bạc, đó là lấy của cải của người làm của mình, tức là của bất nghĩa. Không phải đạt được bằng thủ đoạn chính đáng, là của bất nghĩa, không được lấy, tuyệt đối không có quả báo tốt đẹp. Của cải chơn chánh từ đâu mà có? Từ tài bố thí, càng thí càng nhiều.

Phật tử tại gia, chỉ cần quý vị bố thí tài, bất luận ta làm ngành nghề gì đều kiếm được tiền, vì sao vậy? Vì số mạng ta có của cải. Người khác làm cùng nghề với mình nhưng không lời, số mạng họ không có của cải, nhưng mình làm lại có lời, đạo lý là đây. Nếu bố thí pháp sẽ được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Nhân như thế nào chiêu cảm quả như thế đó, nhân quả báo ứng không sai chút nào. Phải hiểu đạo lý này, phải thấu hiểu chân tướng sự thật này, trong đời này chúng ta mới biết nên làm như thế nào. Có cách làm chính xác, cách làm đúng. Cho nên lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, thật sự là lợi ích chính mình. Vấn đề này, dù một chút dối trá đều không được làm, tuyệt đối không được hại người, tuyệt đối không được gây thương tổn đến xã hội. Không những không được có hành vi hại người, hại xã hội, đến ý niệm cũng không được có. Cho dù đời này phước báo của mình chưa hiện tiền, suốt đời tu bố thí, phước báo chưa hiện tiền, không sao, đời sau có phước báo lớn, nhân quả tuyệt đối thông ba đời.

Thông thường người thế gian thấy người chết, Phật giáo chúng ta biết, con người có chết chẳng? Không chết.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Lăng Nghiêm, vua Ba Tư Nặc có mặt trong hội. Sau khi ông nghe xong mười lần hiển kiến đã giác ngộ, vui mừng vô cùng, biết được như thế nào? Biết rằng bản thân không chết, xác thân này chết, linh tánh không chết. Vì thế Đức Phật nói căn tánh của sáu căn là chân tâm thường trú, không bị sanh diệt theo thân thể sanh diệt này. Ngài lấy sông Hằng làm ví dụ, để nhà vua giác ngộ. Lúc đó vua Ba Tư Nặc 62 tuổi, ông cùng tuổi với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ông cảm thấy bản thân mình suy yếu. Đức Phật hỏi ông, khi ông 20 tuổi so với lúc 10 tuổi, tình trạng thân thể như thế nào? Ông nói 20 tuổi già hơn 10 tuổi, 30 tuổi càng già hơn 20 tuổi. Hiện nay 62 tuổi, mắt hoa, nghe cũng kém. Phật hỏi ông, lần thứ nhất ông nhìn thấy sông Hằng là khi nào? Ông nói lúc ba tuổi, ông đi với mẹ đến chùa dâng hương, đi qua sông Hằng nhìn thấy sông Hằng. Đức Phật nói, năm nay ông 62 tuổi, ông nhìn thấy sông Hằng này và lúc ba tuổi ông nhìn thấy có gì khác nhau chăng? Ông nói không có gì khác. Đức Phật nói, thân thể năm ông ba tuổi và 60 tuổi khác nhau rất lớn, suy lão. Đây là sanh diệt ông đã giác ngộ, khi kiến tánh, ba tuổi thấy và 60 tuổi không có gì khác nhau. Chứng tỏ tánh thấy của ông không tùy theo thân thể suy lão của ông mà thay đổi, từ chỗ này ông đã giác ngộ.

Ngày nay chúng ta nói tuổi tác lớn, nhìn đồ vật bị hoa mắt, đó là nhãn căn ta có bệnh, không phải cái thấy có bệnh, cái thấy không có bệnh. Vì sao khi ta đeo kính lại thấy rõ ràng như thế? Nếu thật sự tánh thấy có bệnh, đeo kính nhìn cũng mơ hồ, vậy mới đúng. Chứng tỏ tánh thấy là bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt là chính mình, sanh diệt là thân này không phải chính mình. Vua Ba Tư Nặc từ chỗ này mà lập tức khai ngộ, rất vui mừng, biết bản thân không chết, bản thân bất sanh bất diệt. Trong thân sanh diệt của chúng ta, có chân tánh bất sanh bất diệt, chân tánh đó mới là chính mình. Tuyệt đối đừng vì thân sanh diệt này, thân giả này, tạo ra vô số tội nghiệp, vậy là sai lầm lớn. Dễ tạo nghiệp nhất là khẩu nghiệp, vì sao vậy? Vì lưỡi, lưỡi chỉ có ba tấc, xuống dưới nữa thì không còn. Vì cái lưỡi ham thích vị ngon, hại mạng biết bao nhiêu chúng sanh, nợ máu của biết bao nhiêu chúng sanh, đời đời kiếp kiếp trả không hết, đây là sai lầm. Chúng ta không biết vì thân thật lại vì thân giả này, vì thân giả liên lụy đến thân thật cũng phải chịu tội, điều này có phiền phức chăng? Chân tướng sự thật này, nói cho chư vị biết, chỉ có Phật nói rõ ràng. Vì sao Đức Phật nói rõ ràng? Vì ngài thấy rõ ràng, chúng ta không nhìn thấy, ngài nhìn thấy. Ngài đem chân tướng sự thật nói với chúng ta, ta nghĩ lại là thật không phải giả. Những gì Đức Phật nói, chúng ta phải chứng thực nó ngay trong cuộc sống hằng ngày.

Tất cả kinh điển Đức Phật nói, kinh điển đặc sắc đầy đủ bốn pháp “giáo lý hành quả”. Chúng ta học Phật cần phải “tín giải hành chứng”, mới có thể được thọ dụng. Giáo huấn của Phật, chúng ta tin tưởng. Lý luận Đức Phật nói, chúng ta hiểu. Những phương pháp Đức Phật nói, chúng ta làm được, làm được là hành. Từ trong hành, chứng thực điều ta tin, điều ta hiểu, hoàn toàn không có sai lầm, đó gọi là chứng. Tu học Phật pháp không giống với tu học thế pháp, như vậy mới có thể đạt được phá mê khai ngộ, thật sự đạt đến chuyển phàm thành thánh.

Trong này trích dẫn hai câu trong Đại Trí Độ Luận: “Chư Bồ Tát hạnh, nghiệp thanh tịnh, tự được tịnh báo”. Đây là Phật Bồ Tát khác với phàm phu. Hạnh chúng ta tịnh, nghiệp sẽ thanh tịnh, đang tu tịnh nghiệp, tịnh nghiệp nhất định là tịnh hạnh. Hàng phàm phu hạnh không thanh tịnh, nghiệp không thanh tịnh, không thanh tịnh tức bị ô nhiễm. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, trong đó đều xen tạp tham sân si mạn, đều xen tạp tự tư tự lợi. Bị tự tư tự lợi, tham sân si mạn ô nhiễm. Hạnh của mình bị nó ô nhiễm, nghiệp bị nó ô nhiễm, vậy mới có quả báo tam đồ lục đạo.

Bên dưới đại sư đưa ra một vấn đề giả thiết, vì sao phải lập nguyện, sau đó ta mới đạt được quả báo? Đưa ra câu hỏi giả thiết này, đáp cũng rất hay: “tác phước vô nguyện, vô sở thọ lập, nguyện vi đạo ngữ, năng hữu sở thành”. Bên dưới còn có một ví dụ, chúng ta không nói đến. “Tác phước”, người thế gian gọi là tu phước, phương pháp tu phước rất nhiều. Phật dạy Bồ Tát, trong cuộc sống hằng ngày đưa ra sáu cương lĩnh, chúng ta gọi là sáu ba la mật, hoặc gọi nó là lục độ, tức là phương pháp tu phước. Bồ Tát ứng hóa tại nhân gian, tư tưởng của họ, hành vi của họ, không bao giờ tách rời sáu nguyên tắc này, người này chính là Bồ Tát. Bồ thí là tu phước, trì giới là tu phước, nhẫn nhục là tu phước, thiền định, bát nhã không có gì không phải tu phước. Nếu tu phước không có nguyện, không có nguyện vọng, phước báo rất lớn, nhưng vẫn không có thành tựu gì, không thể có thành tựu. Điều này chứng tỏ, nguyện rất quan trọng.

Bồ Tát Phổ Hiền dạy người tu hành, nghĩa là dạy người cách sống, có mười cương lĩnh. Ngài không gọi là thập độ, mà gọi là thập nguyện. Ngài có nguyện, nguyện của ngài ở đâu? Nguyện ở thế giới tây phương Cực Lạc, thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc. Ngài có mục tiêu, ngài có phương hướng, vì sao tôi phải làm như vậy? Phước đức tôi tu tích được, ở sau có nơi quy tụ, nguyện quan trọng vô cùng.

Ngày nay chúng ta phát tâm tu học Tịnh độ, nguyện vọng của mình là cầu sanh tây phương Cực Lạc. Những người ở thế giới tây phương Cực Lạc, trong kinh Đức Phật nói rằng “chư thượng thiện nhơn câu hội nhất xứ”. Chúng ta muốn tham dự vào dân tộc, đoàn thể của thế giới tây phương Cực Lạc, chúng ta phải đầy đủ điều kiện của nó, điều kiện là thượng thiện. Không đầy đủ thượng thiện rất khó vãng sanh, tuy niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Chư vị cổ đức nói, một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, hét hư cổ họng cũng chỉ uổng công. Vì sao vậy? Tuy ta niệm Phật, nhưng chưa đầy đủ điều kiện. Như trong các Tôn giáo khác nói, quý vị tin vào thượng đế, tin vào thượng đế là có thể lên thiên đường chăng? Không thể, cần phải đầy đủ điều kiện của thiên nhân. Đức hạnh của thiên nhân cao hơn con người, Phật nói thượng phẩm thập thiện, từ bi hỷ xả, tứ vô lượng tâm. Nếu đầy đủ những điều kiện này, không tin thượng đế cũng được sanh lên thiên đường. Không đầy đủ những điều kiện này, dù làm con nuôi của thượng đế cũng không được, cũng không lên được thiên đường. Thế giới tây phương Cực Lạc, đạo lý cũng như vậy. Nhất định phải hiểu, phải lập nguyện.

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phu nhân Vi Đề hy, muốn sanh về thế giới tây phương Cực Lạc. Thỉnh giáo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như thế nào mới có thể vãng sanh? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không dạy bà niệm Phật, trước tiên dạy bà tu tịnh nghiệp tam phước, chúng ta thường sơ suất điều này. Tịnh nghiệp tam phước là gì? Là nền tảng của chư thượng thiện nhơn, tu thiện trước, ba loại tịnh nghiệp. Mà còn nói với chúng ta rằng: “ba đời chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân”. Không chỉ nói pháp môn Tịnh độ, mà ba đời Chư Phật bất kỳ pháp môn nào đều có, bao gồm vô lượng vô biên pháp môn. Bất luận tu hành pháp môn nào, nếu muốn thành Phật, đều lấy ba tịnh nghiệp này làm nền tảng.

Chúng ta niệm Phật tu Tịnh độ, nếu bỏ quên ba điều 11 câu này, tuy niệm Phật nhưng chưa chắc được vãng sanh, chỉ kết thiện duyên với Tịnh độ mà thôi. Khi nào mới có thể vãng sanh? Trong đời nào nền tảng này đầy đủ, khi đó niệm Phật nhất định vãng sanh.

Bắt đầu tu hành từ đâu? Từ “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”, điều thứ nhất là phước nhân thiên. Điều thứ hai: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”, phước tiểu thừa. Điều thứ ba: “Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả”, phước báo của Bồ Tát

đại thừa. Nếu không có nền tảng này, niệm Phật không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì thế giới tây phương Cực Lạc là “Nơi câu hội của các hàng thượng thiện nhơn”. Tâm ta bất thiện, hành bất thiện, đến thế giới tây phương Cực Lạc còn cãi vã với người khác, đánh nhau với người khác, vậy sao được? Khiến cho thế giới Cực Lạc trở nên hỗn loạn, không đi được. Giới hạn thấp nhất, phải thực hành đầy đủ ba điều 11 câu này, như vậy mới có thể vãng sanh.

Thôi, hôm nay đã hết giờ rồi, chúng ta tạm dừng tại đây.

Hết tập 10